

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ năm, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Bắt đầu đảo chiều

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/8/2019		•	
Tuần 26/8-30/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Từ đầu phiên sáng, VN-Index đã mở cửa ảm đạm trước lực bán tập trung ở bộ đôi nhà Vĩ là VHM và VRE. Phần lớn phiên chiều chỉ số có diễn biến ở dưới mốc tham chiếu trước khi bứt phá vào những phút cuối ngày nhờ các mã bluechips như VNM, VIC, BID, GAS, SAB mở rộng đà tăng. Điểm sáng đến từ động thái mua ròng trên cả ba sàn của khối ngoại. Thị trường có phiên giao dịch biến động mạnh với thanh khoản duy trì ở mức thấp cho thấy dòng tiền trong nước vẫn nằm ngoài thị trường. **Mặc dù vậy, với sự ra đời của các mã chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VIC và VRE, thị trường sẽ có những chuyển biến tích cực hơn về thanh khoản.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. MBB đang tích lũy tại ngưỡng giá 23.5 sau khi có phiên bứt phá hồi đầu tuần. Thanh khoản cũng đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng điều chỉnh giá trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng nhóm chứng quyền của cổ phiếu này sẽ có áp lực giảm giá trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_+0.6%. Hôm nay VNINDEX tăng nhẹ 0.1%. Danh mục MSCI frontier 100 Việt Nam, với tính chất mô phỏng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong chỉ số của MSCI, có mức hiệu suất ngày ấn tượng 0.6%. Đặc biệt, trong bối cảnh VNINDEX đi ngang, danh mục Mục tiêu và Khẩu vị Rủi ro thể hiện rõ tính chất an toàn với 17/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan và 6/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan

Phân tích kỹ thuật: VNM_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.33 điểm**, đóng cửa 978.59. HNX-Index **-0.38 điểm**, đóng cửa 101.94.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.91); VIC (+0.49); BID (+0.30); SAB (+0.19); HVN (+0.18).**
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.02); BVH (-0.25); VRE(-0.24); VCB (-0.21); HNG (-0.09).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,493.78 tỷ đồng**, **+2.92%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.44 điểm. Thị trường có 134 mã tăng và 154 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **6.33 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (37.08 tỷ), NVL (27.66 tỷ) và PVD (13.32 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.79 tỷ đồng**.

VN-INDEX

978.59

Giá trị: 2493.78 tỷ

1.33 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): 6.33 tỷ

HNX-INDEX

101.94

Giá trị: 235.71 tỷ

-0.38 (-0.37%)

Khối ngoại (ròng): 2.79 tỷ

UPCOM-INDEX

57.90

Giá trị: 344.21 tỷ

-0.07 (-0.12%)

Khối ngoại(ròng): 5.06 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.1	0.59%
Giá vàng	1,540	0.04%
Tỷ giá USD/VND	23,200	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,726	-0.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,825	-0.20%
LS liên NH 1 tháng	3.9%	0.44%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	37.1	HDB	23.1
NVL	27.7	DXG	20.6
PVD	13.3	VRE	13.5
PLX	13.1	VIC	8.1
HPG	5.4	CTI	6.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Hôm nay VNINDEX tăng nhẹ **0.1%**, có **9/14** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất ngày **khả quan**. Danh mục **MSCI frontier 100 Việt Nam**, với tính chất mô phỏng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong chỉ số của MSCI, có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.6%**.

* Đặc biệt, trong bối cảnh VNINDEX đi ngang, danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** thể hiện rõ tính chất an toàn:
- **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_0.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.6%	-2.2%	-0.8%	-0.1%	-3.1%	1.2%	86.1%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	-0.2%	3.4%	5.0%	2.9%	5.7%	59.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	-0.6%	3.5%	5.2%	2.3%	1.5%	74.0%
Hàng tiêu dùng	0.2%	-3.4%	2.9%	5.8%	4.0%	7.1%	63.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	-0.8%	4.4%	8.7%	5.0%	1.7%	75.1%
Chiến tranh thương mại	0.2%	-1.1%	1.3%	-1.9%	-2.7%	10.0%	11.9%
Xây dựng	0.1%	-1.7%	-0.6%	-4.9%	-10.7%	-14.0%	28.7%
Nước & Năng lượng	0.1%	-1.9%	-0.5%	-2.5%	-1.0%	11.2%	59.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	-2.4%	-0.6%	-1.5%	3.5%	16.8%	54.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	-5.9%	-5.4%	-7.0%	-11.7%	-11.8%	41.6%
Ngân hàng	-0.1%	-0.8%	2.7%	8.5%	4.7%	-2.9%	70.3%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.2%	-4.1%	-2.3%	-4.7%	-6.4%	-9.9%	-4.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-3.6%	1.0%	-0.3%	-1.6%	3.5%	9.9%
Dầu khí	-0.5%	-2.3%	-3.6%	-3.1%	4.2%	2.3%	14.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 1	1.1%	-1.6%	4.6%	6.5%	3.6%	2.5%	69.8%
Danh mục 6	1.1%	-1.1%	3.5%	10.6%	11.6%	15.0%	103.9%
Danh mục 15	0.9%	-1.6%	3.8%	5.1%	0.4%	0.3%	64.5%
Danh mục 12	0.0%	-1.9%	0.2%	-0.9%	0.0%	9.9%	114.7%
Danh mục 3	-0.3%	-2.1%	1.1%	-1.6%	-2.9%	-5.3%	29.5%

* Note
Hôm nay có **17/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	1.0%	-1.5%	2.8%	6.4%	6.8%	8.2%	49.8%
Danh mục 20	1.0%	-0.9%	-0.1%	1.9%	-1.3%	9.3%	16.4%
Danh mục 23	0.6%	-1.9%	2.1%	1.3%	-0.4%	10.4%	130.4%
Danh mục 21	0.0%	-2.5%	1.6%	3.8%	3.7%	0.6%	44.1%
Danh mục 25	-0.3%	-1.2%	3.9%	9.4%	11.7%	36.1%	200.7%

* Note
Hôm nay có **6/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

INDEX							
VNINDEX	0.1%	-1.9%	-0.8%	1.9%	-0.1%	-1.0%	46.2%
VN30INDEX	0.3%	-1.3%	0.1%	0.7%	-2.9%	-8.4%	35.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

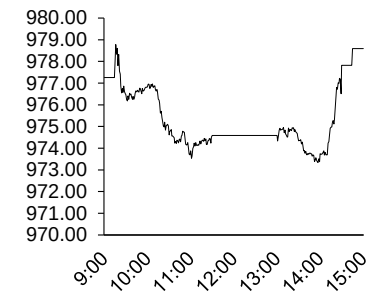
BSC RESEARCH

8/29/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

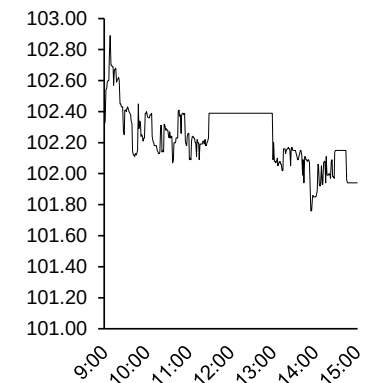
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-1.1%
Truyền thông	-0.7%
Hóa chất	-0.6%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Y tế	-0.5%
Ô tô và phụ tùng	-0.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Xây dựng và Vật liệu	-0.2%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Dầu khí	0.0%
Ngân hàng	0.0%
Viễn thông	0.0%
Bất động sản	0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.3%
Du lịch và Giải trí	0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.5%
Công nghệ Thông tin	0.9%
Bán lẻ	0.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VNM_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu VNM đã tạo thành mô hình 2 đáy ngắn hạn. Thanh khoản cổ phiếu vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá chưa hình thành. Chỉ báo RSI đang cho thấy xu hướng tích trong khi chỉ báo MACD mới chỉ cho thấy tín hiệu khởi đầu xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây ichomoku, báo hiệu xu hướng tăng trong trung hạn đang hình thành. Như vậy, VNM sẽ hồi phục và kiểm tra lại vùng kháng cự cũ 134-135.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp, PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. Chúng tôi giả định doanh thu nội địa đạt 44.5 ngàn tỷ đồng (+7% yoy) trong 2019F nhờ tăng thị phần nội địa và nhu cầu tiêu thụ sữa vẫn còn tăng trưởng; (2) BLNG cải thiện lên 47.3% với giả định giá sữa nguyên liệu WMP giảm 3%; (3) Các chi phí SGA/Rev duy trì mức 25% theo như VNM công bố đầu năm.

Luận điểm đầu tư:

VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu.

Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu.

Cập nhật KQKD: KQKD VNM DT và LNST Q2/2019 đạt lần lượt 14,610 tỷ đồng (+6.3% yoy) và 2,903.8 tỷ đồng (+8.4% yoy), biên lợi nhuận gộp 2Q19 đạt 48% cao hơn cùng kỳ 47.1% nhờ VNM đã tăng giá bán tất cả sản phẩm bình quân 2% do giá nguyên liệu đầu vào tăng. Ngoài ra, VNM cũng cho rằng tăng trưởng của ngành Sữa Việt Nam vẫn còn dư địa tăng trưởng khi nhu cầu tiêu thụ sữa của Việt Nam vẫn đang thấp hơn so với khu vực Châu Á. Lũy kế 6M19, VNM có DT và LNST đạt 27,840.5 tỷ đồng (+7.6% yoy) và 5,701 tỷ đồng (+6.34% yoy) qua đó hoàn thành 51.9% kế hoạch DT và 54% kế hoạch Lợi nhuận.

Chi phí nguyên liệu tăng nhẹ trong 6M19 đạt 11,469.7 tỷ đồng (+0.2% yoy) chiếm 56.5% tổng chi phí sản xuất, nguyên nhân do giá nguyên vật liệu sữa đầu tăng nhẹ lên 3,000-3,300 USD/tấn (+7% - 17% yoy) đối với sữa WMP ở New Zealand, và sữa WMP ở Mỹ tăng lên 3,271 USD/tấn (+9% yoy). VNM đánh giá tuy giá sữa nguyên liệu có tăng trong 6M19 nhưng xu hướng đang giảm có thể do ảnh hưởng căng thẳng Trung – Mỹ và qua đó nếu giá sữa nguyên liệu tiếp tục giảm thì VNM sẽ có lợi thế cho đợt chào mua nguyên liệu tháng 10 này.

Chi tiết tham khảo BSC i-BROKER: Express VNM 2019Q3

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 29/08/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 29/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.89	1.67%	0.38%	-1.72%	-19.59%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.43	1.53%	0.22%	-5.14%	-21.66%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.70	3.05%	0.33%	-8.80%	-19.31%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1539.97	-0.25%	2.50%	7.91%	27.63%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.37	1.00%	7.34%	11.61%	24.76%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	851.43	0.80%	-1.05%	-3.88%	3.42%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	472.69	-0.37%	2.20%	-6.12%	-8.35%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.60	0.00%	-0.06%	0.74%	6.80%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	156.30	-0.13%	-6.91%	-31.39%	-2.07%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.37	1.16%	-0.18%	-5.80%	9.64%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.18	0.00%	15.64%	10.80%	-2.75%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	94.20	0.43%	1.45%	-6.87%	-4.51%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.55	0.28%	-1.35%	-6.01%	-5.99%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3645.00	0.52%	-2.96%	-10.44%	-18.66%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1761.00	-0.51%	-1.18%	-2.76%	-18.92%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	86.50	-1.70%	-5.98%	-26.69%	30.08%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	65.10	-1.81%	-3.13%	-13.20%	-41.85%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 28/08 tăng 0.98 USD tương đương 1.7% lên 60.49 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 0.85 USD tương đương 1.6% lên 55.78 USD/thùng.
- Giá dầu tăng gần 2% trong phiên giao dịch vừa qua sau khi tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm mạnh làm dịu bớt lo ngại nhu cầu dầu trên toàn cầu suy yếu do cuộc chiến thương mại giữa Washington và Bắc Kinh.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.1% xuống 1,541.2 USD/ounce, phiên liền trước có lúc đạt 1,554.56 USD, cao nhất kể từ tháng 4/2013. Vàng kỳ hạn tháng 9/2019 giảm từ 1,541.4 USD xuống còn 1,538.8 USD/ounce, trong khi kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 0.2% còn 1,549.1 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên vừa qua do USD mạnh lên khi các nhà đầu tư tranh thủ bán chốt lời sau khi giá tăng hơn 1% ở phiên trước. Tuy nhiên, sự thiếu chắc chắn về kết quả cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung cũng như về kinh tế toàn cầu giữ cho mặt hàng này ở mức cao kỷ lục nhiều năm.
- Đồng USD tăng 0.2% so với rổ các đồng tiền chủ chốt khiến vàng trở nên kém hấp dẫn để những nhà đầu tư nắm giữ những đồng tiền khác mua vào. Tuy nhiên, đường còn lãi suất Mỹ đảo ngược và nới rộng khoảng cách báo hiệu về khả năng sẽ xảy ra một cuộc suy thoái và cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung chưa thấy hồi kết khiến vàng vẫn đang là điểm "trú ẩn an toàn" cho nhiều nhà đầu tư.

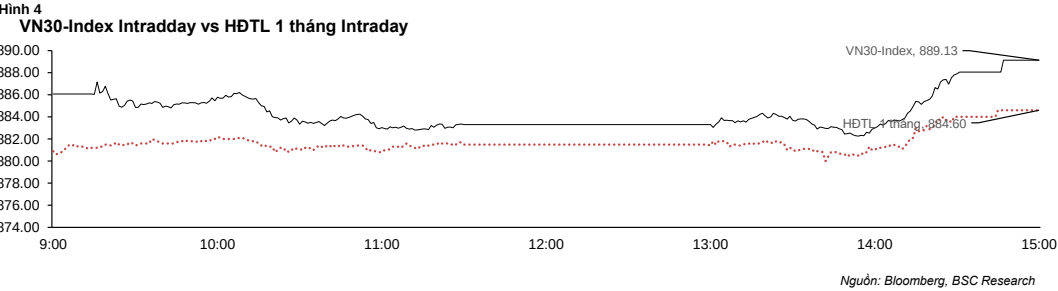
Giá cao su

- Kết thúc phiên giao dịch ngày 28/08, cao su kỳ hạn tháng 2/2019 trên sàn TOCOM giảm 1.6 JPY tương đương 0.1% xuống 162.2 JPY (1.54 USD)/kg. Giá cao su trên thị trường Tokyo giảm vào cuối phiên vừa qua do các nhà đầu tư bán kiếm lời sau khi giá tăng lúc đầu phiên và đồng JPY mạnh lên so với USD. Trên sàn Thượng Hải, hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 155 CNY lên 11,680 CNY (1,647 USD)/tấn. Trung Quốc ngày 27/8/2019 đã thông báo các biện pháp thúc đẩy tiêu dùng, trong đó có việc có thể xóa bỏ những hạn chế trong việc mua ô tô, giữa bối cảnh nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới đang bấp bênh do cuộc chiến thương mại với Mỹ ngày càng căng thẳng.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica trên sàn New York tăng 0.4 US cent tương đương 0.4% trong phiên vừa qua, lên 97.55 US cent /lb, do thời tiết chuyển xấu ở Brazil, mặc dù nguồn cung từ nước này hiện tại vẫn đang dồi dào. Robusta trên sàn London cũng theo xu hướng tăng, thêm 12 USD tương đương 0.9% lên 1,351 USD/tấn vào cuối phiên, sau khi có lúc chạm mức cao nhất gần 1 tháng là 1,368 USD/tấn bởi thông tin tồn trữ cuối vụ ở Việt Nam sụt giảm.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 đã tăng 0.13 US cent tương đương 1.2% vào lúc đóng cửa, lên 11.37 US cent/lb. Đường trắng cùng kỳ hạn trên sàn London cũng tăng 3.10 USD tương đương 1% lên 309.20 USD/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	884.60	0.42%	-4.53	-22.8%	57345	9/19/2019	20
VN30F1910	882.80	0.35%	-6.33	35.5%	359	10/17/2019	48
VN30F1912	881.70	0.30%	-7.43	-23.8%	32	12/19/2019	111
VN30F2003	881.50	0.22%	-7.63	-12.5%	21	3/19/2020	202

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 3.05 điểm lên mức 889.13 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MWG, FPT, VIC, và VPB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 giằng co dưới 885 điểm, đến cuối phiên phục hồi mạnh về dưới 890 điểm. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy tín hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn.

- Các HDTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong trung hạn. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 885 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CMWG1902	VND	12/11/2019	104	4:1	570	-93.5%	2,400,000	19.63%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	106	10:1	148,240	325.4%	5,000,000	20.64%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	123	5:1	10,870	-46.8%	2,000,000	19.63%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	12	5:1	110,200	-24.6%	1,000,000	22.81%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	123	1:1	7,670	-4.7%	2,000,000	19.20%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	32	1:1	30,100	-18.9%	1,000,000	19.20%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	110	1:1	463,840	135.1%	1,000,000	20.63%
CMWG1901	BSC	9/9/2019	11	4:1	102,750	-4.0%	1,000,000	19.63%
CMWG1904	SSI	9/28/2019	123	1:1	7,190	-46.5%	1,000,000	19.63%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	104	5:1	37,300	-61.3%	3,000,000	29.70%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	32	1:1	5,450	-88.7%	1,000,000	29.70%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	30	1:1	149,750	4.3%	3,000,000	20.63%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	123	1:1	9,370	97.3%	1,000,000	29.70%
CFPT1901	VND	9/11/2019	13	2:1	38,090	-45.0%	2,000,000	19.20%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	14	2:1	98,740	4.8%	1,500,000	29.70%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	12	2:1	419,890	156.6%	2,000,000	29.70%

Chú thích: * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- CHPG1901 và CHPG1903 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 29.23% và 28.33%. Thanh khoản thị trường tăng 37.42%, CMBB1902 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 28% thị trường.
- Ngoại trừ CMWG1901 và CMBB1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. MBB đang tích lũy tại ngưỡng giá 23.5 sau khi có phiên bứt phá hồi đầu tuần. Thanh khoản cũng đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng điều chỉnh giá trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng nhóm chứng quyền của cổ phiếu này sẽ có áp lực giảm giá trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	123.00	3.02	2.54
MWG	115.00	1.05	0.48
FPT	52.70	1.15	0.45
VIC	122.50	0.41	0.29
VPB	20.40	0.49	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
GAS	100.5	-1.76	-0.24
HPG	22.2	-0.45	-0.23
VRE	34.4	-1.01	-0.22
TCB	21.4	-0.23	-0.16
VJC	132.0	-0.30	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,990	8,780	4.28%	6,558.31
1,200	760	4.11%	8.33
2,700	5,800	2.84%	4,321.72
1,700	1,940	2.65%	703.06
6,000	12,490	2.38%	7,646.40
3,800	8,600	1.18%	6,897.40
3,200	3,620	0.56%	2,202.24
2,000	6,220	0.32%	6,706.58
14,000	33,500	0.30%	26,472.26
1,000	490	0.00%	0.01
2,200	2,000	0.00%	436.91
1,900	2,790	-2.11%	2,799.00
3,300	3,750	-3.85%	1,267.50
1,900	4,300	-6.32%	3,888.03
1,500	430	-28.33%	84.17
1,200	460	-29.23%	103.97

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1902	48,130	90,000	115,000
CVNM1901	46,340	158,888	123,000
CMWG1903	25,800	95,000	115,000
CPNJ1901	26,300	77,981	81,900
CFPT1903	56,154	45,140	52,700
CFPT1902	96,981	45,140	52,700
CMBB1902	26,300	21,800	23,350
CMWG1901	96,300	88,300	115,000
CMWG1904	165,000	90,000	115,000
CHPG1902	168,888	41,999	22,150
CHPG1904	98,800	23,100	22,150
CMBB1901	23,700	20,600	23,350
CHPG1905	93,300	23,100	22,150
CFPT1901	27,000	44,154	52,700
CHPG1903	22,100	23,200	22,150
CHPG1901	47,999	22,900	22,150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	115.0	1.1%	0.7	2,213	1.7	7,893	14.6	4.9	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	81.9	0.6%	1.0	793	2.0	4,727	17.3	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	76.0	-1.6%	1.3	2,316	0.6	1,503	50.6	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	35.8	1.1%	0.7	360	0.4	3,061	11.7	1.2	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.5	0.4%	1.1	17,821	1.9	1,673	73.2	5.0	15.3%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.4	-1.0%	1.1	3,478	1.9	1,033	33.3	2.8	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.9	0.0%	0.8	2,504	1.8	3,579	17.3	2.8	7.2%	17.8%
REE	Bất động sản	36.4	-0.1%	1.0	490	1.5	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.4	2.0%	1.4	349	1.4	2,944	5.2	1.3	46.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.2	-0.9%	1.3	468	0.8	1,997	10.6	1.1	58.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.8	1.2%	1.0	234	0.0	5,067	6.5	1.5	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.2	0.5%	1.4	268	0.5	1,434	14.1	1.5	56.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	52.7	1.2%	0.8	1,554	2.2	4,349	12.1	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.5	1.1%	0.4	492	0.0	3,778	12.0	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.5	0.5%	1.5	8,363	0.9	6,066	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.0	0.0%	1.5	3,158	1.1	3,271	18.6	3.6	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.5	-0.5%	1.7	426	1.6	2,351	8.7	0.8	23.8%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.1	-1.1%	0.8	1,227	0.3	1,163	7.8	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.0	-1.3%	0.5	523	0.0	4,602	20.0	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.5	1.5%	0.7	229	0.1	853	15.8	0.7	19.5%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.1	0.0%	0.7	186	0.1	897	9.0	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	76.8	-0.3%	1.3	12,384	1.4	4,729	16.2	3.7	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	37.9	0.8%	1.5	5,633	2.2	2,107	18.0	2.4	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.2	-0.2%	1.6	3,270	0.9	1,470	13.7	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.4	0.5%	1.2	2,179	0.9	2,989	6.8	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.4	0.0%	1.1	2,146	4.9	3,215	7.3	1.5	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.1	-0.5%	1.1	1,558	0.6	3,438	6.4	1.5	43.9%	26.4%
BMP	Nhựa	47.7	-1.3%	0.9	170	0.2	5,017	9.5	1.6	77.0%	17.1%
NTP	Nhựa	36.7	-0.8%	0.3	142	0.0	4,490	8.2	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.1	0.0%	1.2	630	0.0	732	22.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.2	-0.4%	1.0	2,659	4.7	2,898	7.6	1.4	37.9%	19.9%
HSG	Thép	6.7	-1.0%	1.5	123	0.5	425	15.7	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.0	3.0%	0.7	9,313	3.0	5,465	22.5	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	273.0	0.4%	0.8	7,612	0.4	6,735	40.5	10.0	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.0	0.3%	1.2	3,812	0.6	3,304	22.7	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	15.9	0.0%	0.5	363	1.1	542	29.3	1.4	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	82.7	0.9%	0.8	7,828	0.3	2,630	31.4	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.0	-0.3%	1.1	3,108	2.2	9,850	13.4	5.1	18.7%	43.3%
HVN	Vận tải	36.0	1.3%	1.7	2,220	0.6	1,747	20.6	2.8	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.2	1.1%	0.8	364	0.5	1,888	14.9	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.4	-0.9%	0.6	213	0.8	2,505	6.9	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.3	-0.8%	0.9	609	0.7	7,667	11.6	4.6	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	-1.3%	0.9	370	0.3	1,333	14.3	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	0.7%	0.8	253	0.1	1,657	9.2	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	96.4	-0.9%	0.7	320	0.1	13,465	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.6	1,307	20.2	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.8	3.8%	0.5	224	0.6	485	42.8	1.0	52.2%	2.4%
POW	Điện	12.8	-0.8%	0.6	1,303	0.4	820	15.6	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.2	0.4%	0.6	315	0.1	2,241	11.2	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	123.00	3.02	1.85	561530.00
VIC	122.50	0.41	0.49	350460.00
BID	37.90	0.80	0.30	1.33MLN
SAB	273.00	0.37	0.19	36440.00
HVN	36.00	1.27	0.19	379250.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	12.50	9.65	0.02	42800.00
IDJ	7.30	7.35	0.02	571900.00
CTB	30.50	8.93	0.02	100.00
PVI	35.80	1.13	0.02	265100.00
PHP	11.20	2.75	0.01	2500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	100.50	-1.76	-1.02	205170.00
BVH	76.00	-1.55	-0.25	166240.00
VRE	34.35	-1.01	-0.24	1.25MLN
VCB	76.80	-0.26	-0.22	422240.00
HNG	17.30	-1.70	-0.10	685140.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.10	-0.45	-0.17	636300.00
PVS	20.50	-0.49	-0.03	1.77MLN
NDN	18.50	-2.63	-0.02	941100.00
VCS	89.30	-0.78	-0.02	168500.00
VCR	21.80	-9.92	-0.02	898300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVI	48.15	7.00	0.01	390.00
HUB	25.30	6.98	0.01	166760.00
VOS	2.15	6.97	0.01	1.16MLN
TCO	8.49	6.93	0.00	40.00
DRH	7.73	6.92	0.01	1.13MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	1.10	10.0	0.00	337800.00
VCM	44.20	10.0	0.00	100.00
MBG	12.50	9.7	0.02	42800.00
VTJ	5.70	9.6	0.01	1000.00
KMT	8.10	9.5	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTL	18.60	-7.00	-0.01	870.00
HVG	3.20	-6.98	-0.02	781040.00
RAL	81.90	-6.93	-0.02	10520.00
HRC	41.70	-6.92	-0.03	1010.00
HVH	21.60	-6.90	-0.01	1.07MLN

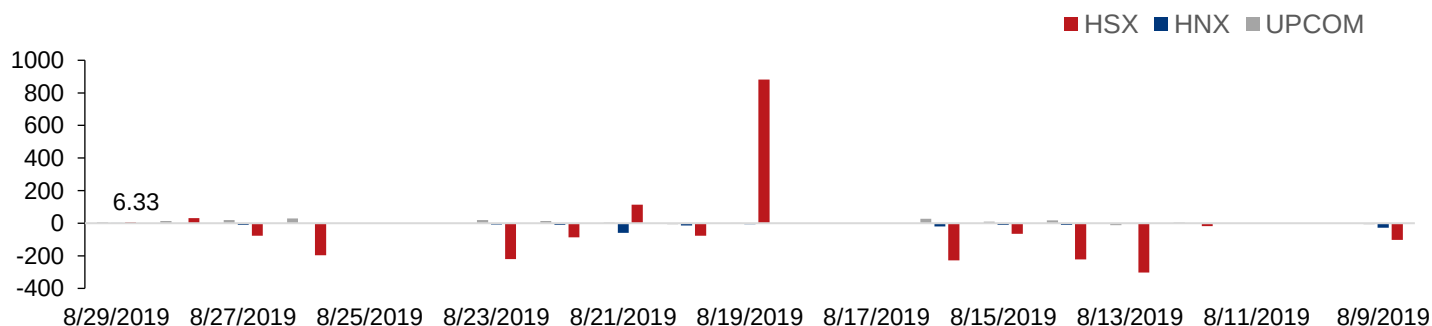
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	-16.67	-0.01	1.01MLN
CAP	32.40	-10.23	-0.02	4900.00
KTS	14.40	-10.00	-0.01	200.00
LUT	2.70	-10.00	0.00	100.00
VCR	21.80	-9.92	-0.02	898300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.8	3,705	7.8	2.1	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	52.7	4,349	12.1	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	15.4	649	23.7	1.4	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	115.0	7,893	14.6	4.9	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	81.9	4,727	17.3	4.5	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.8	5,276	10.4	3.0	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.4	4,234	6.7	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.1	3,438	6.4	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.5	3,181	5.5	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.7	425	15.7	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	44.0	4,314	10.2	3.0	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	75.0	3,304	22.7	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.4	7,716	20.4	10.6	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.2	1,888	14.9	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	115.0	7,893	14.6	4.9	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.2	3,760	8.0	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	78.0	18,865	4.1	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.0	1,295	17.0	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.3	3,437	5.3	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

